

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số *419*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày *18* tháng 5 năm 2017

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, giá dịch vụ trông giữ xe tại chợ Trung tâm thị trấn Đăk Tô**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 và Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô tại Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2017; ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 932/STC-QLCSG ngày 12 tháng 4 năm 2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, giá dịch vụ trông giữ xe tại chợ Trung tâm thị trấn Đăk Tô (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:


1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện thông báo công khai (*kê ca niêm yết*) về đối tượng thuộc diện phải chi trả tiền dịch

vụ, mức giá và các thủ tục thu, nộp tiền dịch vụ theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng dịch vụ.

2. Cơ quan Thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc hướng dẫn sử dụng hóa đơn, chứng từ thu, kê khai, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các Giám đốc Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô; Giám đốc Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện Đắk Tô và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT8. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



  
Lê Ngọc Tuấn

**Danh mục giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Đắk Tô**

(kèm theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Nội dung và đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá tối đa
<b>I</b>	<b>Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt</b>		
1	Hộ gia đình, cá nhân trong các ngõ xóm, đường hẻm không có xe thu gom rác đi qua	Đồng/hộ/tháng	10.000
2	Hộ gia đình, cá nhân trên các tuyến đường có xe thu gom rác đi qua	Đồng/hộ/tháng	12.000
<b>II</b>	<b>Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt</b>		
1	Hộ kinh doanh buôn bán (trừ kinh doanh ăn uống, thực phẩm, rau quả)	Đồng/hộ/tháng	60.000
2	Hộ kinh doanh buôn bán các mặt hàng ăn uống, giải khát, rau quả, thực phẩm tươi sống, hoa tươi.	Đồng/hộ/tháng	80.000
3	Hộ kinh doanh buôn bán VLXD	Đồng/hộ/tháng	160.000
4	Các trường học, nhà trẻ, nhà trọ, nhà nghỉ; trụ sở làm việc của doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp, và các tổ chức cơ sở khác	Đồng/đơn vị/tháng	160.000
5	Cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh ăn uống	Đồng/cửa hàng/tháng	200.000
6	Công trình xây dựng, cơ sở sản xuất	Đồng/m <sup>3</sup> rác ép	180.000
7	Nhà máy, Bệnh viện, Trung tâm y tế, Bến xe, Chợ trung tâm thương mại...	Đồng/m <sup>3</sup> rác ép	200.000

1/1

**PHỤ LỤC II**

**Danh mục giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, giá dịch vụ  
trông giữ xe tại chợ Trưng Trắc thị trấn Đắk Tô**

*(kèm theo Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Nội dung và đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá cụ thể
<b>I</b>	<b>Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng</b>		
<b>A</b>	<b>Các tổ chức, cá nhân kinh doanh buôn bán cố định</b>		
1	Các gian hàng, sạp hàng có lợi thế kinh doanh mặt tiền (ki ốt dãy A)	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	80.000
2	Các gian hàng, sạp hàng có lợi thế kinh doanh mặt tiền (ki ốt dãy B, C, D), nhà lồng bán hàng tươi sống	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	64.000
3	Các gian hàng, sạp hàng khu nhà lồng chính, hàng ăn uống, giải khát	Đồng/m <sup>2</sup> /tháng	56.000
<b>B</b>	<b>Đối với người kinh doanh, buôn bán không thường xuyên; các lô hàng, xe hàng vào chợ</b>		
1	Đối với người kinh doanh, buôn bán không thường xuyên	Đồng/người/ngày	5.000
2	Các lô hàng, xe hàng vào chợ	Đồng/lô, xe/ngày	55.000
<b>II</b>	<b>Dịch vụ trông giữ xe tại chợ</b>		
1	Xe mô tô 2 bánh, xe máy	Đồng/lượt	2.000
2	Xe ô tô	Đồng/lượt	10.000

*lla*